

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : VNĐ	
				Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)		100		2,801,476,836,104	5,761,989,579,493
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	VI.01	1,619,838,319,136	2,337,794,746,307
1.	Tiền	111		608,908,319,136	1,010,794,746,307
	<i>Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>			<i>601,838,543,283</i>	<i>990,064,923,184</i>
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1,010,930,000,000	1,327,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	VI.02	228,906,481,497	1,965,747,480,411
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		254,412,100,343	2,059,001,530,699
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(25,505,618,846)	(93,254,050,288)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		942,539,824,007	1,442,610,446,967
1.	Phải thu của khách hàng	131	VI.07	290,428,656,010	700,598,323,510
2.	Trả trước cho người bán	132	VI.08	2,035,922,828	5,381,629,435
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		677,728	12,115,851
5.	Các khoản phải thu khác	138	VI.07	933,626,740,685	870,335,563,768
	<i>Dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng</i>				
6.	<i>khoản ủy thác đầu tư ngắn hạn</i>	139	VI.10	(283,552,173,244)	(133,717,185,603)
IV. Hàng tồn kho		140			
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		10,192,211,464	15,836,905,814
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,555,313,310	13,399,392,597
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		85,921,890	-
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		3,185,588,823	-
4.	Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		2,365,387,441	2,437,513,217

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		3,207,258,186,900	2,759,673,771,301
I Các khoản phải thu dài hạn	210		485,569,474,387	57,816,947,745
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	VI.09	642,312,882,881	57,897,947,745
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư dài hạn	219	VI.10	(156,743,408,494)	(81,000,000)
II. Tài sản cố định	210		164,724,755,948	179,143,794,414
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.04	35,407,344,040	39,899,034,982
<i>Nguyên giá</i>	222		96,149,297,682	87,848,407,698
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(60,741,953,642)	(47,949,372,716)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.05	128,398,862,668	128,610,530,264
<i>Nguyên giá</i>	228		153,793,163,644	145,381,684,984
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(25,394,300,976)	(16,771,154,720)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		918,549,240	10,634,229,168
III. Bất động sản tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,504,651,606,221	2,461,608,420,355
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.02	318,000,000,000	318,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.02	595,496,200,557	595,496,200,557
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	VI.02	1,117,854,863,383	1,426,230,711,957
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		1,117,854,863,383	1,426,230,711,957
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	749,788,390,000	226,171,390,000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(276,487,847,719)	(104,289,882,159)
V. Tài sản dài hạn khác	260		52,312,350,344	61,104,608,787
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.03	20,282,431,210	30,696,711,905
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.17	12,965,095,752	13,168,016,500
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.06	12,889,932,650	10,389,932,650
4. Tài sản dài hạn khác	268		6,174,890,732	6,849,947,732
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6,008,735,023,004	8,521,663,350,794

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		300		1,125,412,635,806	3,121,040,537,552
I. Nợ ngắn hạn		310		1,122,304,282,110	3,104,445,008,856
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.12	-	2,000,000,000,000
2.	Phải trả người bán	312		2,844,837,415	6,143,838,280
3.	Người mua trả tiền trước	313	VI.13	70,005,242,440	50,113,308,000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	5,499,130,949	23,639,720,580
5.	Phải trả người lao động	315		19,057,375	24,348,181
6.	Chi phí phải trả	316	VI.11	6,207,456,118	74,517,718,277
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.14	381,002,913,525	48,736,961,505
9.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		559,439,131,398	825,177,542,510
10.	Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		6,476,918,423	4,261,464,657
11.	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		605,427,160	2,398,853,100
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		90,064,800,637	69,431,253,766
13.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		139,366,670	-
15.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn		330		3,108,353,696	16,595,528,696
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	13,000,000,000
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3,108,353,696	3,595,528,696
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10.	Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		4,883,322,387,198	5,400,622,813,242
I. Vốn chủ sở hữu		410	VI.16	4,883,322,387,198	5,400,622,813,242
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3,526,117,420,000	3,511,117,420,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		340,921,476,378	340,921,476,378
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(88,591,286,000)	(12,365,677,000)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		289,383,181,436	220,524,469,842
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		815,491,595,384	1,340,425,124,022
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)		440		6,008,735,023,004	8,521,663,350,794

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		303,065,520,000	191,936,160,000
<i>Trong đó:</i>				
7.1 Chứng khoán giao dịch	051		302,130,730,000	190,637,660,000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		31,250,000	11,347,210,000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		291,003,630,000	173,917,160,000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		11,095,850,000	5,373,290,000
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		405,190,000	522,900,000
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		-	-
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		405,190,000	522,900,000
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		-	-
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3 Chứng khoán cầm cố	061		309,600,000	309,600,000
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		309,600,000	309,600,000
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
7.4 Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071		220,000,000	466,000,000
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		220,000,000	466,000,000
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch			-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng			-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán			-	-
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá			-	-

Người Lập Biểu


 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 4 năm 2011

Đơn vị tính: VND

1	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	2	3	4	5	6	7
1	Doanh thu	01	191,170,025,918	337,056,620,733	827,115,627,621	1,486,693,265,042
	<i>Trong đó:</i>					
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	19,636,345,500	37,523,132,301	96,005,005,216	176,043,714,129
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	76,646,406,854	158,653,152,034	255,358,493,641	727,650,936,168
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3	-	525,000,000	6,420,000,000	13,140,023,320
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4	-	-	-	-
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	2,782,240,489	6,207,854,137	38,076,296,310	108,242,078,334
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	1,330,168,148	741,454,793	2,487,230,802	2,421,084,957
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7	-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8	234,488,320	177,516,312	1,034,484,977	811,533,701
	Doanh thu khác	01.9	90,540,376,607	133,228,511,156	427,734,116,675	458,383,894,433
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	250,000,000	5,850,000	250,000,000
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	191,170,025,918	336,806,620,733	827,109,777,621	1,486,443,265,042
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	155,538,526,440	227,258,947,282	869,856,519,001	613,375,692,675
	<i>Trong đó:</i>					
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1	108,154,178,207	97,564,280,733	464,843,835,323	397,751,596,568
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2	47,384,348,233	129,694,666,549	405,012,683,678	215,624,096,107
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	35,631,499,478	109,547,673,451	(42,746,741,380)	873,067,572,367
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2,823,072,703	3,133,882,527	15,936,358,746	11,145,589,606
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30	32,808,426,775	106,413,790,924	(58,683,100,126)	861,921,982,761
8	Thu nhập khác	31	245,498,038	5,671,166,207	425,658,439	5,826,330,656
9	Chi phí khác	32	680,101,024	4,924,168,454	680,706,469	5,638,799,981
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(434,602,986)	746,997,753	(255,048,030)	187,530,675
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	32,373,823,789	107,160,788,677	(58,938,148,156)	862,109,513,436
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	14,953,102,730	-	190,059,706,619
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	202,920,750	(7,888,203,710)	202,920,750	1,434,102,100
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	32,170,903,039	100,095,889,657	(59,141,068,906)	670,615,704,717
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				

Người Lập Biểu


 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2012

P. Tổng Giám Đốc


 Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(58,938,148,156)	862,109,513,436
2. Điều chỉnh cho các khoản:		335,427,890,614	(254,641,889,063)
- Khấu hao tài sản cố định	02	24,235,677,621	21,609,545,379
- Các khoản lập dự phòng	03	410,946,930,253	215,624,096,107
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(118,332,495,036)	(556,653,328,773)
- Chi phí lãi vay	06	18,577,777,776	64,777,798,224
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	276,489,742,458	607,467,624,373
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	44,528,010,071	(687,329,264,142)
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	1,280,972,430,356	(1,207,906,296,852)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	76,432,905,683	(686,906,281,710)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	19,258,359,982	(33,486,758,656)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(80,975,944,421)	(30,372,378,398)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(16,259,599,575)	(213,729,975,369)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	7,500,000	20,900,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(30,070,439,245)	(41,881,240,175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1,570,382,965,309	(2,294,123,670,929)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(14,528,930,694)	(35,223,437,132)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	901,636,358	4,953,545,455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12,500,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	26	-	20,808,931,503
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27	(113,935,113,830)	(927,234,501,370)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28	125,119,319,940	1,164,542,233,334
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	29	144,881,678,746	180,621,451,245
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	129,938,590,520	408,468,223,035

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15,000,000,000	963,585,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(85,816,286,000)	(2,775,000,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	60,000,000,000	2,000,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,060,000,000,000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(347,461,697,000)	(328,127,562,750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2,418,277,983,000)	1,670,061,022,250
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(717,956,427,171)	(215,594,425,644)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2,337,794,746,307	2,553,389,171,951
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1,619,838,319,136	2,337,794,746,307

Người Lập Biểu


 Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


 Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2012

P. Tổng Giám Đốc



 Nguyễn Hồng Nam


 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 CHỨNG KHOÁN
 SÀI GÒN
 QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
 Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ban hành theo T. Tư số 95/2008 /TT -BTC
 ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính
 Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC
 ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU - Năm 2011	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3,511,117,420,000	15,000,000,000	-	3,526,117,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340,921,476,378	-	-	340,921,476,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(12,365,677,000)	(76,225,609,000)	-	(88,591,286,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		220,524,469,842	68,858,711,594	-	289,383,181,436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,340,425,124,022	1,879,091,978	526,812,620,616	815,491,595,384
Cộng		5,400,622,813,242	9,512,194,572	526,812,620,616	4,883,322,387,198

CHỈ TIÊU - Năm 2010	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1,533,334,710,000	1,977,782,710,000	-	3,511,117,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		2,095,966,265,902	513,920,476	1,755,558,710,000	340,921,476,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(449,664,524)	(12,365,677,000)	(449,664,524)	(12,365,677,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		140,116,480,248	80,407,989,594	-	220,524,469,842
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,008,815,735,437	670,757,387,315	339,147,998,730	1,340,425,124,022
Cộng		4,777,783,527,063	2,717,096,330,385	2,094,257,044,206	5,400,622,813,242

Người Lập Biểu

Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Hồng Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 04 năm 2011 (chưa hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Tổng số nhân viên** : 379
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế quý 4/2011 của Công ty lãi **32.373.823.789** đồng, giảm 70% so với cùng kỳ quý 4/2010 do các nguyên nhân sau:

- + Khối lượng giao dịch và thị giá chứng khoán giảm nên doanh thu môi giới và doanh thu tự doanh chứng khoán giảm.
- + Doanh thu khác cũng giảm đáng kể so với kỳ trước.

Khi so sánh với quý 3/2011 liền kề thì lợi nhuận trước thuế quý 4/2011 vẫn thấp hơn 47% do chi phí dự phòng và chi phí tự doanh trong quý 4/2011 nhiều hơn quý 3/2011.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ 12 của Công ty.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo:
 - ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
 - ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận và trình bày các khoản đầu tư vào công ty con và các công ty liên kết được trình bày dưới đây.

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

6. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

7. Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

9. Đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể

Các khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận của các quỹ đầu tư được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Công ty thực hiện trích lập dự phòng nếu khoản đầu tư bị tổn thất do khoản đầu tư bị lỗ.

10. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

14. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

17. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :
 - ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
 - ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.
- ▶ Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

19. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH QUÝ 4 - 2011**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Mỗi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
Quý 4 năm 2011					
1. Doanh thu trực tiếp	44.006.500.201	76.646.406.854	67.500.390.054	3.262.226.847	191.415.523.956
2. Các chi phí trực tiếp	8.959.072.417	79.142.034.843	14.609.621.697	453.276.973	103.164.005.930
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	37.648.131.758	6.226.964.042	3.532.924.612	8.469.673.824	55.877.694.237
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	(2.600.703.974)	(8.722.592.031)	49.357.843.745	(5.660.723.950)	32.373.823.789
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	765.922.460.891	3.823.204.202.518	1.189.935.961.372	2.323.014.127	5.781.385.638.908
2. Tài sản bộ phận phân bổ	152.201.497.768	17.171.451.030	5.463.643.510	26.537.697.047	201.374.289.354
3. Tài sản không phân bổ					25.975.094.743
Tổng tài sản	918.123.958.659	3.840.375.653.548	1.195.399.604.882	28.860.711.174	6.008.735.023.005
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	575.836.850.809	68.868.309.365	366.792.198.183	5.135.209.110	1.016.632.567.467
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	70.435.973.965	7.946.622.704	2.528.470.860	12.281.144.179	93.192.211.708
3. Nợ phải trả không phân bổ					15.587.856.631
Tổng công nợ	646.272.824.774	76.814.932.069	369.320.669.043	17.416.353.289	1.125.412.635.806

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	88.763.043	297.644.864
Tiền gửi ngân hàng	608.819.556.093	1.010.497.101.443
<i>Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	<i>601.838.543.283</i>	<i>990.064.923.184</i>
Các khoản tương đương tiền	1.010.930.000.000	1.327.000.000.000
Cộng	1.619.838.319.136	2.337.794.746.307

2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
		Tăng	Giảm	
I. Chứng khoán thương mại	253.935.451.315		(25.505.618.846)	228.429.832.469
<i>Cổ phiếu Niêm yết</i>	<i>121.612.451.316</i>		<i>(14.523.693.846)</i>	<i>107.088.757.470</i>
<i>Cổ phiếu Chưa Niêm yết</i>	<i>93.172.999.999</i>		<i>(10.981.925.000)</i>	<i>82.191.074.999</i>
<i>Trái phiếu</i>	<i>39.150.000.000</i>			<i>39.150.000.000</i>
II. Đầu tư ngắn hạn khác	476.649.028			476.649.028
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	476.649.028			476.649.028
III. Chứng khoán đầu tư	1.117.854.863.383		(168.289.147.159)	949.565.716.224
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.117.854.863.383		(168.289.147.159)	949.565.716.224
<i>Cổ phiếu Niêm yết</i>	<i>341.075.948.891</i>		<i>(134.400.547.511)</i>	<i>206.675.401.380</i>
<i>Cổ phiếu Chưa Niêm yết</i>	<i>81.854.814.397</i>		<i>(14.898.939.922)</i>	<i>66.955.874.475</i>
<i>Trái phiếu</i>	<i>694.924.100.095</i>		<i>(18.989.659.726)</i>	<i>675.934.440.369</i>
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn				
IV. Đầu tư góp vốn	913.496.200.557		(108.198.700.560)	805.297.499.997
- Đầu tư vào công ty con	318.000.000.000			318.000.000.000
- Vốn góp liên doanh, liên kết	595.496.200.557		(108.198.700.560)	487.297.499.997
V. Đầu tư tài chính khác	749.788.390.000			749.788.390.000
- Đầu tư dài hạn khác	749.788.390.000			749.788.390.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng chứng khoán ngắn hạn cuối kỳ			
Cổ phiếu	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
DTL	14.032.594.892	(4.528.022.892)	9.504.572.000
NTP	11.784.052.481	(4.435.381.480)	7.348.671.001
NSP	4.182.730.000	(3.513.493.200)	669.236.800
Cổ phiếu khác	4.108.229.972	(2.046.796.274)	2.061.433.698
Cộng niêm yết	34.107.607.345	(14.523.693.846)	19.583.913.499
Cổ phiếu chưa niêm yết	62.918.000.000	(10.981.925.000)	51.936.075.000
Tổng cộng	97.025.607.345	(25.505.618.846)	71.519.988.499
Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn cuối kỳ:			
Cổ phiếu	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
PAN	26.514.575.101	(6.952.607.100)	19.561.968.001
DCC	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
DBC	31.299.191.230	(15.522.528.728)	15.776.662.502
HAG	168.907.774.843	(99.260.660.445)	69.647.114.398
PDN	38.486.340.864	(5.125.543.464)	33.360.797.400
Cộng niêm yết	276.532.554.812	(134.400.547.511)	142.132.007.301
Chứng chỉ quỹ tầm nhìn	595.496.200.557	(108.198.700.560)	487.297.499.997
Các cổ phiếu khác	91.854.814.400	(14.898.939.922)	76.955.874.478
Cộng chưa niêm yết	687.351.014.957	(123.097.640.482)	564.253.374.475
Trái phiếu	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Trái phiếu Vinashin	63.298.865.753	(18.989.659.726)	44.309.206.027
Cộng trái phiếu	63.298.865.753	(18.989.659.726)	44.309.206.027
Tổng cộng	1.027.182.435.522	(276.487.847.719)	750.694.587.803

3. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn trả trước	14.423.668.784	21.949.061.192
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	5.858.762.426	8.747.650.713
Tổng Cộng	20.282.431.210	30.696.711.905

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)**

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	2.609.391.520	68.300.664.775	16.875.816.403	62.535.000	87.848.407.698
Tăng trong kỳ		11.427.075.154		140.639.200	11.567.714.354
Mua trong kỳ		11.427.075.154		140.639.200	11.567.714.354
Giảm trong năm		(3.266.824.370)			(3.266.824.370)
Bán thanh lý		(3.266.824.370)			(3.266.824.370)
Phân loại lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	2.609.391.520	76.460.915.559	16.875.816.403	203.174.200	96.149.297.682
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	855.111.469	38.270.847.918	8.760.878.331	62.535.000	47.949.372.718
Tăng trong kỳ	449.269.148	12.449.203.709	2.671.832.562	9.375.946	15.579.681.365
Khấu hao	449.269.148	12.449.203.709	2.671.832.562	9.375.946	15.579.681.365
Giảm trong kỳ		(2.787.100.441)			(2.787.100.441)
Bán thanh lý		(2.787.100.441)			(2.787.100.441)
Phân loại lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.304.380.617	47.932.951.186	11.432.710.893	71.910.946	60.741.953.642
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	1.754.280.051	30.029.816.857	8.114.938.072		39.899.034.980
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.305.010.903	28.527.964.373	5.443.105.510	131.263.254	35.407.344.040

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VND)**

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	34.020.700.296	109.671.558.000	1.689.426.688	145.381.684.984
Tăng trong kỳ	8.444.328.660			8.444.328.660
Mua mới	8.444.328.660			8.444.328.660
Phân loại lại				
Giảm trong kỳ			(32.850.000)	(32.850.000)
Bán thanh lý			(32.850.000)	(32.850.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	42.465.028.956	109.671.558.000	1.656.576.688	153.793.163.644
Hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	15.260.056.216	-	1.511.098.504	16.771.154.720
Tăng trong kỳ	8.580.169.756		75.826.500	8.655.996.256
Khấu hao	8.580.169.756		75.826.500	8.655.996.256
Phân loại lại				
Giảm trong kỳ			(32.850.000)	(32.850.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	23.840.225.972		1.554.075.004	25.394.300.976
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	18.760.644.080	109.671.558.000	178.328.184	128.610.530.264
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	18.624.802.984	109.671.558.000	102.501.684	128.398.862.668

6. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VND)

Tiền nộp ban đầu	11.620.436.954
Tiền lãi phân bổ hàng năm	1.269.495.696
Tổng Cộng	12.889.932.650

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)**

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu khách hàng	290.428.656.010	700.598.323.510
- Phải thu KH về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	260.956.194.312	657.874.361.876
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	26.751.833.547	38.485.273.958
- Phải thu phí tư vấn	2.323.014.127	1.697.000.000
- Phải thu khác	397.614.024	2.541.687.676
2. Phải thu hoạt động giao dịch Chứng khoán	677.728	12.115.851
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	677.728	12.115.851
- Phải thu thành viên khác	-	-
3. Thuế GTGT khấu trừ	85.921.890	
4. Thuế và các khoản phải thu nhà nước (Thuế TNDN năm 2010 nộp thừa)	3.185.588.823	
5. Phải thu khác	933.626.740.685	870.335.563.768
- Phải thu theo cam kết mua và bán lại chứng khoán	30.000.000.000	4.892.544.000
- Phải thu tổ chức phát hành	43.307.019.523	47.166.995.112
- Phải thu vốn ủy thác đầu tư	823.655.478.634	534.319.359.000
- Phải thu lãi hợp đồng tiền gửi	5.457.601.753	33.168.184.771
- Phải thu SSIAM tiền ứng trước ủy thác đầu tư	-	200.052.100.000
- Phải thu SSIAM khác	21.142.964.528	37.455.827.881
- Phải thu lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	4.755.760.362	11.148.249.713
- Phải thu BHXH	75.982.084	
- Phải thu khác	5.231.933.801	2.132.303.291

8. Ứng trước cho người bán:

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	2.035.922.828	5.381.629.435

9. Phải thu dài hạn khác:

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu vốn ủy thác đầu tư dài hạn	627.762.339.907	55.990.000.000
- Phải thu lãi HĐ UTĐT dài hạn	14.550.542.974	1.907.947.745
Cộng	642.312.882.881	57.897.947.745

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng phải thu khó đòi (lãi trái phiếu)	(5.934.246.575)	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác ngắn hạn	(277.617.926.669)	(133.717.185.603)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác dài hạn	(156.743.408.494)	(81.000.000)
Cộng	(440.295.581.738)	(133.798.185.603)

11. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi trái phiếu chuyển đổi năm 2006	-	261.019.797
Lãi trái phiếu chuyển đổi năm 2010	-	62.222.222.224
Chi phí phải trả SGDCK & TTLKCK	2.159.660.934	3.758.643.012
Phải trả SSIAM tiền phí quản lý danh mục	231.249.365	5.471.496.081
Chi phí phải trả khác	3.816.545.819	2.804.337.163
Tổng Cộng	6.207.456.118	74.517.718.277

12. Vay và nợ ngắn hạn (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ ngắn hạn trái phiếu chuyển đổi	-	2.000.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-
Tổng Cộng	-	2.000.000.000.000

Tại ngày 31/3/2011, toàn bộ nợ ngắn hạn trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 26.3.2010, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4%/năm, đã được chuyển trả hết cả phần gốc và lãi cho trái chủ.

13. Người mua trả tiền trước (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.995.842.440	4.933.308.000
- Ứng trước tiền mua chứng khoán của khách hàng	65.009.400.000	45.180.000.000
Cộng	70.005.242.440	50.113.308.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VND)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hợp đồng mua bán chứng khoán	155.589.925.000	-
Phải trả HĐ Hợp tác kinh doanh	204.905.766.183	22.311.739.854
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	13.175.868.406	16.359.209.923
Phải trả công ty con	1.044.750.000	180.000.000
Phải trả NĐT - kỳ quỹ ngắn hạn	4.685.000.000	-
Các khoản khác	1.601.603.936	9.886.011.728
Tổng Cộng	381.002.913.525	48.736.961.505

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VND)

Các khoản thuế	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	378.513.020	1.565.617.793
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	14.953.102.730
Thuế Thu nhập cá nhân	2.606.870.123	2.367.763.231
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ	411.411.930	3.214.936.441
Các loại thuế khác	2.102.335.876	1.538.300.385
Cộng	5.499.130.949	23.639.720.580

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Bảng ước tính thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2011: (đơn vị tính: VNĐ)**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(58.938.148.156)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(133.826.216.566)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.10	(50.650.097.090)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.11	153.069.225.208
- Chi phí không hợp lý hợp lệ loại trừ trên quyết toán thuế TNDN năm 2011	680.092.380
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 25%	(89.665.144.224)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp năm 2011	-

16. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.511.117.420.000	340.921.476.378	(12.365.677.000)	220.524.469.842	1.340.425.124.022	5.400.622.813.242
Trích quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính theo nghị quyết ĐHĐCĐ	-	-	-	68.858.711.594	(68.858.711.594)	-
Trích quỹ từ thiện, phúc lợi theo nghị quyết ĐHĐCĐ	-	-	-	-	(50.701.098.116)	(50.701.098.116)
Trích 10% cổ tức năm 2010 - theo Nghị Quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28.4.11	-	-	-	-	(348.111.742.000)	(348.111.742.000)
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo nghị quyết 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2011	15.000.000.000	-	-	-	-	15.000.000.000
Điều chỉnh lại thuế TNDN phải nộp theo quyết toán thuế năm 2010	-	-	-	-	1.879.091.978	1.879.091.978
Lợi nhuận sau thuế đến 31.12.2011	-	-	-	-	(59.141.068.906)	(59.141.068.906)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(76.225.609.000)	-	-	(76.225.609.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	3.526.117.420.000	340.921.476.378	(88.591.286.000)	289.383.181.436	815.491.595.384	4.883.322.387.198

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM chấp thuận cho công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn mua lại 3.000.000 Cổ Phiếu SSI làm cổ phiếu quỹ theo Công văn số 2235/2010/SGDHCM-NY ngày 01/12/2010. Đến thời điểm 31/12/2011 tổng cộng số lượng cổ phiếu quỹ là 3.000.000 cổ phiếu.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	12.965.095.752	13.168.016.502
Cộng	12.965.095.752	13.168.016.502

18. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 4-2011	Quý 4-2010
Cổ tức	56.246.029.239	82.298.837.631
Trái tức	16.331.102.971	24.777.937.253
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	967.256.154	31.737.566.608
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	2.417.351.823	19.363.775.626
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	684.666.667	475.034.916
Tổng cộng	76.646.406.854	158.653.152.034

19. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 4-2011	Quý 4-2010
Chi phí môi giới chứng khoán	5.844.170.750	8.530.356.816
Chi phí tự doanh chứng khoán	31.646.253.736	5.637.160.915
Chi phí hoạt động tư vấn	13.000.000	324.099.750
Chi phí dự phòng	47.384.348.233	129.694.666.549
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	14.518.604.145	25.610.046.717
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	56.132.149.576	57.462.616.535
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>28.483.999.087</i>	<i>27.134.304.752</i>
<i>Chi phí vật liệu, VPP, công cụ</i>	<i>954.656.740</i>	<i>1.148.312.288</i>
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	<i>8.598.735.866</i>	<i>7.132.966.102</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>7.122.176.694</i>	<i>8.124.609.194</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>10.950.615.139</i>	<i>13.768.205.146</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>21.966.050</i>	<i>154.219.053</i>
Tổng cộng	155.538.526.440	227.258.947.282

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VND)**

	Quý 4-2011	Quý 4-2010
Chi phí nhân viên	2.516.305.403	2.817.705.612
Chi phí khấu hao và phân bổ	83.606.250	175.651.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.161.050	140.525.000
Tổng Cộng	2.823.072.703	3.133.882.527

21. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong Quý 4/2011 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Quý Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động môi giới	669.492.568
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH	Nhận tiền thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh Trả tiền Hợp đồng hợp tác kinh doanh	41.840.966.258 44.008.518.514
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu	Ủy thác đầu tư đã nhận Nhận cổ tức chuyển về Phí quản lý danh mục phải trả Phí quản lý danh mục đã trả trong kỳ	50.000.000.000 30.000.000.000 (1.502.658.136) 3.763.407.756
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch HĐQT	Nhận tiền thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh Trả tiền Hợp đồng hợp tác kinh doanh Tiền mua chứng khoán Tiền thuê mặt bằng Trả tiền thuê	34.031.147.644 30.813.131.527 39.150.000.000 2.027.609.559 2.764.922.125
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Tổng Giám đốc Công ty CP Xuyên Thái Bình là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI	Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh Thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh Phí thuê văn phòng và dịch vụ Phí thuê văn phòng và dịch vụ đã trả	61.031.245.000 28.312.280.722 421.714.103 385.677.949

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm cuối ngày 31/12/2011 bao gồm:**

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Khoản phải thu (VND)	Khoản phải trả (VND)
Công ty CP Đầu tư động sản SSI	Công ty nhận Bất vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Góp vốn đầu tư Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh Lãi hợp tác kinh doanh còn phải trả	14.999.990.000 -	- 61.205.780.079 180.579.666
Công ty TNHH Một thành viên Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty TNHH Nguyễn SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH	Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh Lãi hợp tác kinh doanh còn phải trả		29.453.404.689 87.728.473
Công ty TNHH Quản lý SSI	Công ty con 100% vốn sở hữu	Ủy thác quản lý tài sản Phí quản lý danh mục trích trả trước Đầu tư góp vốn	1.451.417.818.541 1.595.974.804 30.000.000.000	-
Ngân hàng ANZ	Cổ đồng chiến lược	Tiền gửi của nhà đầu tư tại ngân hàng ANZ	531.443.562	-
Công ty Cổ phần Xuyên Bình	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI	Tiền hợp tác kinh doanh Nhận trước tiền bán chứng khoán Tiền thuê văn phòng chưa trả Lãi hợp tác kinh doanh		37.731.245.000 50.100.000.000 36.036.154 367.211.321
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Công ty con 80% vốn sở hữu	Góp vốn đầu tư	288.000.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 4/2011 là 2.519.760.763 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính quý 4/2011 được trình bày theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài Chính, có sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính và các hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính. Do đó một số số liệu đầu năm đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính.

TPHCM, ngày 13 tháng 01 năm 2012

Người Lập Biểu


Nguyễn Thị Hải Anh

Kế Toán Trưởng


Hoàng Thị Minh Thủy

Phó Tổng Giám Đốc


Nguyễn Hồng Nam



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính